

GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG TƯ TƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC THỜI CỔ ĐẠI

PTS. NGUYỄN VĂN TRÌNH

Trung Quốc trong thời kỳ cổ đại đã đạt được một trình độ văn minh vật chất và tinh thần rất cao.

Xét về mặt lực lượng sản xuất xã hội thì Trung Quốc thời kỳ cổ đại dựa chủ yếu trên lao động thủ công của nông dân nô lệ. Đối với công cụ sản xuất đã có bước phát triển nhất định. Các công cụ bằng thau được thay thế bằng các công cụ bằng sắt. Sức sản xuất nhờ đó đã phát triển khá cao so với trước.

Sự phân công lao động xã hội cũng tương đối phát triển. Các ngành nghề như nông nghiệp, thủ công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá... đã có bước tiến đáng kể. Thương nghiệp đã tương đối phát triển, tuy nhiên, việc trao đổi vẫn dựa trên cơ sở hiện vật là chủ yếu. Kinh tế hàng hóa mới ở dạng phôi thai chưa phổ biến.

Nền văn minh cổ Trung Quốc đã góp phần làm phong phú thêm cho nền văn minh vật chất của nhân loại với việc phát minh ra đồ sứ, giấy, thuốc súng, chăn tằm...

Xét về mặt quan hệ sản xuất thì Trung Quốc cổ đại chủ yếu dựa trên quan hệ chiếm hữu nô lệ nhà nước. Nhà nước chủ nô ra sức bóc lột lao động của nông dân nô lệ. Sự làm giàu bằng lao động của nô lệ được xem là phổ biến không chỉ đối với các quan

chức của nhà nước chủ nô mà còn đối với tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay cổ đại. Do đó các mâu thuẫn kinh tế và đấu tranh giai cấp ở Trung Quốc diễn ra rất gay gắt, dẫn đến các cuộc cách mạng chính trị và thay thế lẫn nhau giữa các nhà nước.

Trong thời kỳ cổ đại, nhà nước Trung Quốc đã có sự can thiệp sâu vào đời sống kinh tế đến nỗi nhiều nhà kinh tế đã đặt ra vấn đề sự độc quyền của nhà nước và nảy sinh cuộc tranh luận sôi nổi về vấn đề này.

Xét về mặt tư tưởng thì các tư tưởng kinh tế Trung Quốc thời cổ đại đã trưởng thành từ rất sớm. Các cuộc tranh luận về những vấn đề kinh tế đó đã nổ ra. Trong đó, người ta quan tâm đến những vấn đề như mối quan hệ giữa chế độ nô lệ và công xã; giữa nền kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hóa vừa phát sinh; những vấn đề

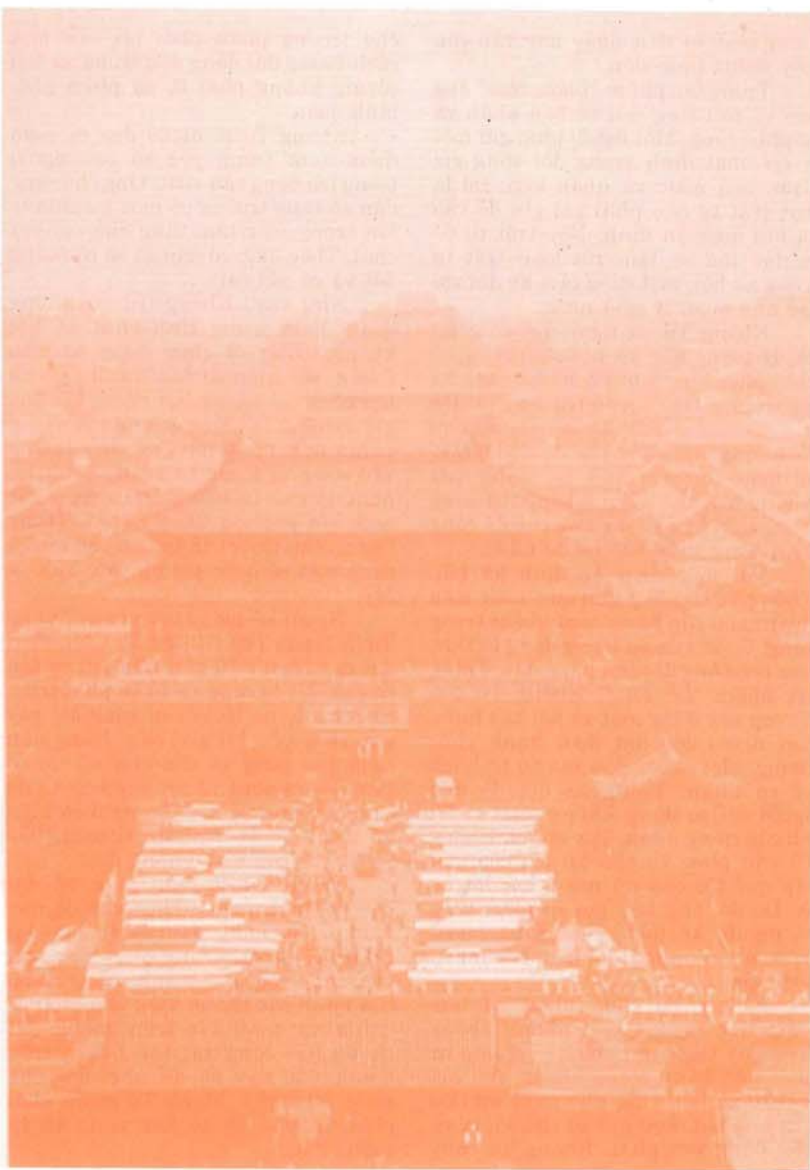
thuộc chính sách tài chính và thương mại...

Những vấn đề kinh tế xã hội trên đã ảnh hưởng đến những tư tưởng kinh tế Trung Quốc thời kỳ đó.

Những tư tưởng kinh tế thời kỳ cổ đại ở Trung Quốc rất phong phú và phức tạp thể hiện sự trưởng thành rất sớm của trí tuệ kinh tế Trung Quốc. Dưới đây có thể điểm qua những nét cơ bản nhất trong rừng tư tưởng đó.

Một trong những tư tưởng giữ vị trí quan trọng phải kể đầu tiên là tư tưởng của phái Khổng học.

Người sáng lập trường phái Khổng học là Khổng Phu Tử hay Khổng Tử. Khổng tử (551-479 Tr CN) tên Khâu, hiệu Trọng Ni, người nước Lỗ. Khổng Tử có kiến thức uyên bác. Ông là một nhà giáo lớn với nhiều học trò rất nổi tiếng như: Tử Cống, Tử Lộ, Tử Du... ông có nhiều quan



điểm kinh tế đến ngày nay vẫn còn có ý nghĩa thực tiễn.

Trong tác phẩm “*Lược Ngự*” ông bảo vệ tư tưởng nói về bốn phận và sự phục tùng. Mỗi người phải giữ một vị trí nhất định trong đời sống gia đình, nhà nước và nhân loại. Đó là một trật tự cần phải giữ gìn để cho xã hội được ổn định. Nếu trật tự đó bị đảo lộn sẽ làm rối loạn trật tự trong xã hội, một điều cấm kỵ đối với các nhà quản lý nhà nước.

Khổng Tử ca ngợi chế độ công xã, lý tưởng hóa xã hội cổ truyền, cổ khôi phục lại những quan hệ công xã gia trưởng. Ông tuyên truyền cho việc thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, Khổng Tử không phê phán chế độ nô lệ. Đây là mâu thuẫn trong tư tưởng của Khổng Tử, thể hiện Khổng Tử sống trong thời kỳ quá độ giữa chế độ công xã nguyên thủy và chế độ nô lệ.

Với mục đích ổn định xã hội, Khổng Tử cố gắng giải quyết các mâu thuẫn giai cấp bằng quan điểm trung dung. Cơ sở của sự trung dung là Đức. Đức được ông đặt lên hàng đầu. Trong tác phẩm “*Lễ Thu*”, Khổng Tử chủ trương xây dựng một xã hội hòa bình, mọi người đều đạt được hạnh phúc chung. Mọi người đều xóa bỏ tính ích kỷ cá nhân. Trong xã hội đó mọi người sẽ lao động không phải vì lợi ích của riêng mình. Tuy nhiên, Khổng Tử vẫn phục vụ cho lợi ích của giai cấp quý tộc chủ nô muốn bóc lột nô lệ. Do đó, ông kêu gọi sự phục tùng số mệnh, kẻ dưới phục tùng người trên, nhân nhượng thực hiện nhiệm vụ được giao.

Khổng Tử thừa nhận sự làm giàu, tích lũy của cải nhưng không được gây thiệt hại cho dân chúng và phải tiến hành trong khuôn khổ của trật tự xã hội. Ông phê phán sự tiêu pha bừa bãi, kêu gọi sự tiết kiệm và tiêu dùng vừa phải, Khổng Tử cũng

chủ trương phân phối tài sản một cách tương đối đồng đều trong xã hội nhưng không phải là sự phân phối bình quân.

Khổng Tử là người đưa ra quan điểm xem trọng yếu tố con người trong lao động sản xuất. Ông cho rằng dân số tăng trưởng có một ý nghĩa to lớn trong việc làm tăng của cải vật chất. Theo ông: có dân ắt sẽ có ruộng đất và có của cải.

Như vậy, Khổng Tử có những quan điểm mang tính chất xã hội không tương và chứa đựng sự mâu thuẫn, thể hiện sự đấu tranh giữa xã hội công xã và xã hội nô lệ lúc bấy giờ. Những tư tưởng của ông vẫn có ý nghĩa đến ngày nay, nó ảnh hưởng sâu rộng đến các tư tưởng kinh tế, nhất là các tư tưởng quản trị ở các quốc gia phương Đông (Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc), thậm chí còn lan cả sang một số quốc gia phương Tây và Mỹ.

Người kế tục tư tưởng của Khổng Tử là Mạnh Tử (372-289 Tr CN). Thời đại của Mạnh Tử gắn liền với sự tan rã của chế độ công xã và sự phát triển của chế độ nô lệ, với sự xung đột gay gắt về quyền lợi giai cấp. Nông dân bám vào công xã còn chủ nô thì cố làm tan rã công xã và ủng hộ chế độ tư hữu về ruộng đất. Trong điều kiện đó Mạnh Tử đã có những tư tưởng bảo vệ lợi ích của người nông dân.

Mạnh Tử đề nghị phục hồi lại chế độ “tĩnh điền”. Theo chế độ này một số hộ nông dân sẽ tụ họp lại thành công xã. Trong công xã ngoài việc canh tác trên mảnh ruộng riêng của mình các thành viên còn phải có nghĩa vụ canh tác trên ruộng đất chung của công xã, thu hoạch trên mảnh đất này sẽ để nộp cho nhà nước. Như vậy, Mạnh Tử muốn khôi phục lại chế độ sở hữu công xã về ruộng đất.

Mạnh Tử còn đứng về phía nông dân chống lại sự chuyên quyền của nhà giàu, thậm chí còn ủng hộ quyền khởi nghĩa của nông dân khi bị áp bức quá mức. Trong trật tự của xã hội ông đặt dân lên hàng đầu, vua chỉ ở hàng thứ. Mạnh Tử chống các loại thuế khóa nặng và xem một nhà nước có thuế khóa nặng dẫn đến sự cùng khổ của dân chúng là một nhà nước giết người. Theo ông, nhà nước chỉ cần thu thuế thân là đủ. Nhà nước không nên can thiệp quá sâu vào đời sống kinh tế, mà phải để các hoạt động buôn bán ra một cách tự do.

Mạnh Tử ủng hộ việc phân công lao động rộng rãi trong xã hội. Ông cho rằng sự phân chia lao động thành lao động trí óc và lao động chân tay là đúng, trong xã hội phải có một tầng lớp đặc biệt làm công việc quản lý nhà nước và nghiên cứu khoa học là chính đáng. Nghề thủ công phải tách khỏi nghề nông, hai lĩnh vực này không thể gắn liền nhau được.

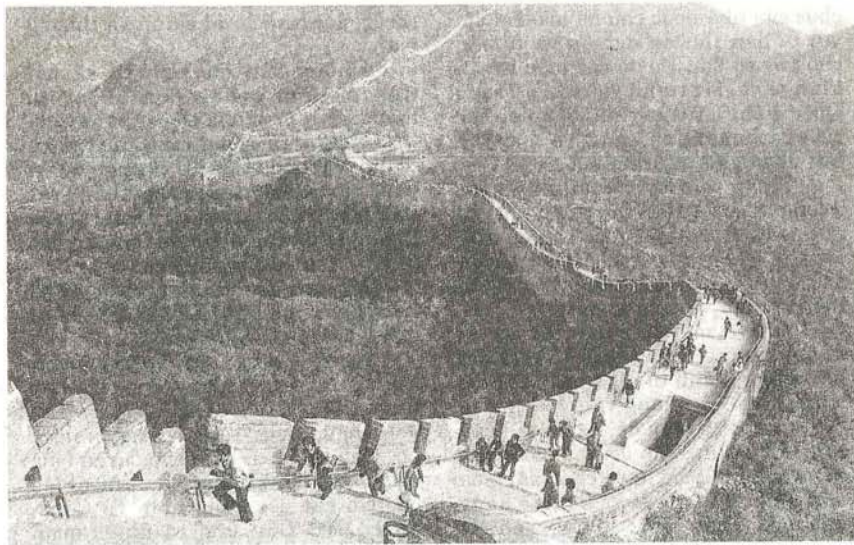
Nhìn chung, Mạnh Tử muốn bảo vệ công xã, bảo vệ lợi ích của nông nô. Tuy nhiên, ông cũng có những hòa hoãn với chế độ nô lệ khi cho rằng nên chia ruộng đất cho các đại thần với mức cao hơn. Điều này thể hiện tính mâu thuẫn trong tư tưởng của phái Khổng học.

Chống lại tư tưởng sùng bái công xã là tư tưởng của các trào lưu bảo vệ lợi ích của nhà giàu và chủ nô. Một trong những trào lưu tư tưởng này là phái Pháp gia với đại biểu là Thương Ưởng (Tể tướng nước Tần thời vua Hiếu Công).

Phái Pháp gia bác bỏ hế độ bình quân sử dụng ruộng đất và đòi xác lập chế độ tư hữu ruộng đất. Cuộc cách mạng ruộng đất này được tiến hành vào khoảng 350 năm trước công nguyên bởi Tể tướng Thương Ưởng. Theo đó, các hộ nông dân buộc phải tách ra bởi vì nếu một hộ có 2 người đàn ông thì phải đóng thuế gấp đôi. Thuế ruộng đất được thay đổi: thuế thập phân (1/10 thu hoạch) được thay thế bằng thuế đánh theo diện tích cây cấy.

Những cải cách của Thương Ưởng có tính chất tiến bộ và đã đẩy nhanh sự phát triển của sản xuất. Nó mở ra một trang sử mới trong lịch sử tư tưởng kinh tế Trung Quốc thời kỳ cổ đại. Sự thắng lợi của chế độ tư hữu ruộng đất đã củng cố vị trí của chế độ chiếm hữu nô lệ, đẩy nhanh sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy.

Phái Pháp gia đề cao vai trò của nhà nước. Theo họ, nhà nước phải mạnh, phải giàu có. Sự làm giàu của tư nhân bị phê phán và bị xem là nguy hiểm đối với nhà nước, đe dọa sự chiếm đoạt chính quyền. Sự tích lũy của cải trong quốc khố được thừa



nhận và được xem là một việc làm chính đáng.

Phái Pháp gia ca ngợi nghề nông và nghề binh, họ phê phán các nghề trí óc, nghề thủ công và thương nghiệp. Họ cho rằng, thương nghiệp và nghề thủ công sẽ dẫn đến tình trạng nguy hiểm đối với nhà nước.

Như vậy, những tư tưởng kinh tế của phái Pháp gia phản ánh thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ bành trướng với sự ca ngợi chế độ tư hữu ruộng đất, súng bái nhà nước. Đồng thời, cũng thể hiện sự sợ hãi của quý tộc chủ nô trước sự phát triển của thương nghiệp, của sự phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, cơ sở kinh tế của chế độ nô lệ. Điều đó phản ánh cuộc đấu tranh giữa quý tộc chủ nô và thương nhân là hiện tượng thường xảy ra trong lịch sử Trung Quốc thời cổ đại.

Những tư tưởng kinh tế Trung Quốc cổ đại còn được trình bày trong một tác phẩm độc đáo, đó là "*Quần từ luận*". Đây là một trước tác được trình bày dưới dạng đối thoại giữa Quân Trọng (vị trung thần của vua Hoàn Công nước Tề) với nhà vua để khuyên nhủ vị chúa công của mình. Trước đây người ta cho tác phẩm này là của Quân Trọng, nhưng ngày nay nó được khẳng định của tập thể tác giả vô danh viết rất lâu về sau này để phản ánh những điều kiện kinh tế-xã hội của thế kỷ IV-III Tr.CN.

Trong tác phẩm này các tác giả thừa nhận sự tồn tại của quy luật xã hội. Đây là một bước tiến bộ so với các tư tưởng trước đó chỉ thấy vai trò của nhà nước mà thôi. Mặc dù vậy, các tác giả cũng thừa nhận vai trò can thiệp rộng rãi của nhà nước vào đời sống kinh tế để có thể hạn chế sự tác động tự phát của các hiện tượng tự nhiên. Vai trò của nhà nước thể hiện ở sự hình thành kho dự trữ thóc để bình ổn giá cả khi cần thiết, chống bọn đầu cơ và hạn chế sự tập trung của cải vào tay nhà giàu, việc xây dựng hệ thống tưới tiêu... Nguyên nhân xem trọng vai trò của nhà nước xuất phát từ điều kiện kinh tế-xã hội Trung Quốc thời cổ là nhà nước đóng một vai trò rất lớn trong sự phát triển kinh tế. Đó là một điều tất yếu, bởi vì, những trận lụt của sông Hoàng Hà và nạn hạn hán thường gây ra mùa và đói kém khiến cho việc xây dựng hệ thống tưới tiêu cũng như việc lập kho dự trữ thóc là cần thiết. Mà tất cả các việc đó chỉ có thể thực hiện được bởi nhà nước. Ý nghĩa của việc lập kho dự trữ thóc còn mãi đến ngày nay. Bất cứ một quốc gia nào cũng lập quỹ dự trữ quốc gia dưới hình thái hiện vật cũng như tiền tệ.

Các tác giả đã đề cập đến tính quy luật khách quan của thị trường. Họ cho rằng: thị trường là nơi điều tiết tất cả mọi hàng hóa. Nếu tất cả

hàng hóa đều rẻ và không ăn lãi quá đáng thì tất cả mọi ngành đều ổn định, như thế tiêu dùng cũng sẽ vừa phải. Theo các tác giả của *Quần từ luận* thì có thể biết vì sao mà có trật tự và không có trật tự, vì sao mà hàng hóa thừa hoặc thiếu, tuy bản thân họ không thể nào làm cho hàng hóa nhiều hay ít được". Như vậy, từ lâu đời các nhà tư tưởng Trung Quốc đã sớm thấy được sự vận động của qui luật thị trường, sự lên xuống của cung cầu, mặc dù chưa thể phát biểu một cách có hệ thống như trong các học thuyết kinh tế của các nhà kinh tế học hiện đại. Nhưng chỉ như thế cũng đủ chứng minh sự trưởng thành rất sớm của tư tưởng kinh tế Trung Quốc thời kỳ cổ đại.

Quần từ luận thừa nhận sự phân công lao động xã hội một cách rộng rãi, xem đó là điều kiện để phát triển kinh tế. Việc phân công lao động xã hội là cơ sở của sự phân chia xã hội thành các đẳng cấp xã hội. Có bốn đẳng cấp chính trong xã hội là: sĩ, nông, công và thương. Các tác giả còn cho rằng các đẳng cấp này không nên "sống chung" với nhau vì sẽ gây ra rối loạn trong ngôn ngữ và hành vi. Cụ thể họ đề nghị phải dành chỗ ở yên tĩnh "để nghỉ ngơi, ăn uống" cho kẻ sĩ; nhà nông thì ở nơi có ruộng của họ; thợ thủ công ở các cơ quan của nhà nước và thương nhân ở những khu buôn bán. Trong điều kiện của chế độ nô lệ mới phát sinh, những lập luận như thế rất phù hợp với một yêu cầu xã hội nhất định. Nó phản ánh nhận thức sâu sắc về giá trị tư tưởng đẳng cấp đối với việc quy định các quan hệ bóc lột.

Trong *Quần từ luận*, các tác giả cũng đề cập đến các vấn đề tài chính nhà nước, một vấn đề không thể thiếu trong các tác phẩm của các nhà tư tưởng Trung Quốc lúc bấy giờ. Các tác giả của *Quần từ luận* phê phán các thứ thuế trực thu, coi chúng là tai họa cho đời sống kinh tế: nếu đánh thuế xây dựng thì thủ tiêu việc xây dựng; nếu đánh thuế rừng thì rừng không phát triển; đánh thuế gia súc thì chăn nuôi kém phát triển và đánh thuế thân thì dân chúng sẽ trốn. Họ ca ngợi việc đánh thuế gián tiếp: thuế muối và thuế sắt, bởi vì mọi người ai cũng tiêu dùng muối và sắt. Như vậy, từ rất lâu các nhà tư tưởng kinh tế Trung Quốc đã đề cập đến các vấn đề tài chính mà mãi về sau vào thế kỷ XVII-XVIII ở Châu Âu đã diễn ra cuộc tranh luận sôi nổi về các nhà kinh tế tư sản cổ điển về ưu, khuyết điểm của các thứ thuế trực tiếp và gián tiếp.

Tư tưởng kinh tế Trung Quốc cổ đại đã đặt vấn đề mối quan hệ qua lại giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế

hàng hóa, mối quan hệ giữa chính sách kinh tế của nhà nước và qui luật kinh tế khách quan.

Sự phản ứng đối với thương mại đôi khi diễn ra gay gắt với những hình thức hết sức độc đáo, bởi vì thương mại đã phát triển rất mạnh mẽ ở Trung Quốc ngay từ thế kỷ IV-III Tr.CN, là cơ sở phá hoại nền kinh tế tự nhiên và gây ra những mâu thuẫn kinh tế. Các triều đại liên tiếp đưa ra các biện pháp hạn chế hoạt động của thương nhân như áp dụng thuế đánh vào thu nhập của người buôn bán, cho vay nặng lãi, vận chuyển hàng hóa... và giảm thuế cho nhà nông, thợ thủ công. Đặt những hình phạt nghiêm khắc cho những người khai man tài sản và không chịu nộp thuế.

Các triều đại bắt đầu xác lập sự độc quyền về kinh doanh muối và sắt vào trong tay nhà nước. Các xí nghiệp sản xuất muối và sắt của nhà nước được hình thành và thống trị thị trường. Tang Cung Dương, một đại biểu của phái Pháp gia, cho rằng việc độc quyền nhà nước là có lợi. Độc quyền và các xí nghiệp buôn bán của nhà nước đảm bảo nền an ninh trong nước. Việc để cho các nhà kinh doanh tư nhân hoạt động và làm giàu thì có nguy cơ làm cho dân chúng nổi loạn.

Khi phê phán chế độ độc quyền của nhà nước, các đệ tử của phái Khổng học cho rằng trong chế độ đó: nông dân bị tước mất ruộng đất để làm muối và khai thác sắt, trong khi đó giá sắt và muối quá cao nhân dân không gánh nổi, người nghèo phải cày bằng gỗ và cào cỏ bằng tay. Độc quyền về muối và sắt còn làm cho tiểu thương bị thiệt hại nhiều và dẫn đến chất lượng muối và sắt giảm sút (muối đắng và sắt xấu).

Như vậy, những biện pháp và sự tranh luận chung quanh những biện pháp đó chứng tỏ tư tưởng kinh tế cổ đại của Trung Quốc đã đi trước và đặt một cách kiên quyết hơn những vấn đề cấp thiết thời bấy giờ. Đó là các vấn đề: quan hệ giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hóa; những giới hạn và hình thức can thiệp của nhà nước vào kinh tế; về vai trò độc quyền của nhà nước và sự tự do kinh doanh của tư nhân. Những vấn đề mà mãi về sau này các nhà kinh tế vẫn còn tiếp tục tranh luận ■

Tài liệu tham khảo

1. *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, I.D. Uđanxốp, F.I. Pôlianxki.- Tập 1. NXB Khoa học. HN.1964.
2. *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Phần 1, Bản tiếng Nga. NXB ĐHTH Mátxcova. M.1989.
3. *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nguyễn Văn Trinh, Nguyễn Văn Luân, Vũ Văn Nghinh, NXB Thống Kê.